

Số: 80./BC-CC1

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
THEO NGHỊ ĐỊNH 60/2021/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 111/2025/NĐ-CP
NĂM 2025

I. Tình hình chung:

1. Đặc điểm tình hình của đơn vị:

Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên là đơn vị sự nghiệp hạng II thuộc Sở Tư pháp (theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 03/8/2011 về việc xếp hạng Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên), chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Sở Tư pháp; có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng để giao dịch, phục vụ công tác.

Hiện phòng có 08 viên chức (trong đó có 03 công chứng viên; 05 viên chức) và 01 hợp đồng lao động. Cơ cấu lãnh đạo phòng hiện có 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng;

- Về trình độ đội ngũ cán bộ, viên chức: 02 đồng chí có trình độ Thạc sỹ Luật, 05 đồng chí có trình độ cử nhân Luật, 01 đồng chí có trình độ cử nhân Tài chính kế toán.

- Về trình độ lý luận chính trị: 01 đồng chí trình độ cao cấp, 02 đồng chí trình độ trung cấp.

- Về cơ sở vật chất: Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên thuê trụ sở tại Số 80, đường Cách mạng Tháng Tám, tổ 4, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Phòng được trang bị máy tính, máy phô tô và các trang thiết bị khác phục vụ tốt yêu cầu của người dân và tổ chức khi đến công chứng, chứng thực.

- Về cơ chế tài chính: Phòng là đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ toàn bộ kinh phí hoạt động theo Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên “Về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 - 2025 của một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp”.

- Phòng Công chứng số 1 sinh hoạt tại chi bộ 5 – Đảng bộ Sở Tư pháp.

2. Chức năng, nhiệm vụ:

Chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của Phòng được quy định tại Luật Công chứng và các quy định pháp luật về chứng thực, cụ thể như sau:

2.1. Chức năng, nhiệm vụ công chứng:

- + Công chứng hợp đồng, giao dịch bằng văn bản;
- + Công chứng bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

Việc công chứng được thực hiện theo quy định pháp luật về công chứng.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ chứng thực:

- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt nam liên kết với cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ khác:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, lập báo cáo dự toán thu, chi và báo cáo thanh quyết toán tài chính hàng năm theo quy định.
- Quản lý công tác tổ chức, lưu trữ hồ sơ công chứng, quản lý sử dụng tài sản của đơn vị theo đúng quy định.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.
- Định kỳ hàng tháng, hàng quý, báo cáo Sở Tư pháp về tổ chức và hoạt động của Phòng;
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng do Giám đốc Sở Tư pháp giao.

II- Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị Định 111/2025/NĐ-CP

1. Tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

Ngay từ khi Nghị định có hiệu lực, Phòng đã chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo các định mức chi rõ ràng, cụ thể để tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn và tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức.

- Đơn vị đã xây dựng các kế hoạch công tác báo cáo cấp trên để phê duyệt thực hiện.

2. Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính:

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, và Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/05/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP. sau khi được phê duyệt phương án tự chủ, hiện nay Phòng Công chứng số 1 là đơn vị tự chủ 100% về chi thường xuyên. Sự đổi

mới về cơ chế tài chính đã đem lại nhiều quyền tự chủ hơn cho đơn vị trong các lĩnh vực như xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch, tự chủ về tài chính, về tổ chức....đồng thời làm giảm gánh nặng tài chính cho ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

2.1. Tình hình thực hiện nguồn thu:

Nguồn thu của đơn vị toàn bộ là từ phí công chứng, chứng thực. Đơn vị thực hiện thu phí công chứng, chứng thực theo quy định của Luật Công chứng 2014 và Thông tư 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng, phí chứng thực, phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng, lệ phí cấp thẻ công chứng viên”, thu thù lao công chứng và chi phí chứng thực theo Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên “ Quy định mức trần thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Thu sự nghiệp:

- Tổng số phí thu được: 4.092.358.000đ (Bốn tỷ không trăm chín mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng)

- Số nộp ngân sách Nhà nước: 1.023.089.500đ (Một tỷ không trăm hai mươi ba triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng)

- Số phí, lệ phí được trích lại sử dụng: 3.069.268.500đ (Ba tỷ không trăm sáu mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng)

- Chênh lệch thu chi thường xuyên (Nguồn phí, lệ phí): 810.688.433đ (Tám trăm mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng)

- Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm và chênh lệch thu chi:

+ Trích quỹ bổ sung thu nhập: 407.688.433đ

+ Trích Quỹ phúc lợi: 139.552.000đ

+ Trích quỹ khen thưởng: 60.448.000đ

+ Trích quỹ hoạt động sự nghiệp: 203.000.000đ

2.2. Tình hình chi và trích lập các quỹ, thu nhập tăng thêm cho người lao động:

- Chi lương: Phòng tự bảo đảm tiền lương từ nguồn thu của đơn vị;

- Chi thu nhập tăng thêm, Phòng được chủ động sử dụng Quỹ bổ sung thu nhập để thực hiện hiện phân chia cho người lao động trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác của người lao động.

- Trích lập các quỹ: Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định; phần chênh lệch thu lớn hơn chi, Phòng trích lập các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung

thu nhập; quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 25% chênh lệch thu lớn hơn chi;

- Quỹ bổ sung thu nhập: Phòng được trích tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định;

- Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: đơn vị được trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

3. Tình hình thu nhập người lao động:

Năm 2025, tổng số tiền phân phối thu nhập là: 600.000.000đ.

Người có thu nhập cao nhất là: 8.109.760 đ/tháng

Người có thu nhập thấp nhất là: 1.384.219 đ/tháng

4. Các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng thu:

- Phòng đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi (giao định mức văn phòng phẩm, trang thiết bị cho từng vị trí cán bộ, thực hiện việc tiết kiệm điện, nước sinh hoạt, báo, tạp chí....).

- Phòng xây dựng Đề án vị trí việc đã được thẩm định và phê duyệt, theo đó xây dựng vị trí việc làm gắn với công việc cụ thể của từng người nhằm nâng cao hiệu quả trong sử dụng lao động.

- Thay đổi phương pháp làm việc của đội ngũ cán bộ, viên chức theo tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, thực hiện phục vụ nhu cầu công chúng người dân ngoài giờ hành chính, ngoài trụ sở cơ quan theo quy định của Luật Công chúng, đào tạo đội ngũ cán bộ có kỹ năng, có chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có phương pháp làm việc khoa học, tận tình, không để xảy ra tình trạng tham nhũng tại đơn vị hoặc gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

5. Thuận lợi, khó khăn:

Thuận lợi:

- Cơ chế tự chủ về tài chính tạo điều kiện để đơn vị phát triển về quy mô và chất lượng, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, giảm thủ tục hành chính, từng bước đáp ứng tốt nhu cầu công chúng của người dân và doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho đơn vị có cơ hội sắp xếp lại tổ chức bộ máy, hoạt động, cách thức làm việc, cách thức sắp xếp phân công công việc từng bước thay đổi cho phù hợp với tình hình xã hội hóa các hoạt động công chúng đang diễn ra mạnh mẽ; phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc đầu tư trang thiết

bị cơ sở vật chất phục vụ công tác. Cơ chế tự chủ cũng khuyến khích đơn vị sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, trích lập các quỹ; tăng sự hài lòng của nhân dân, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước; tăng hiệu quả chi ngân sách nhà nước hoạt động tư pháp.

- Sự quan tâm, tạo điều kiện của UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các cơ quan ban ngành hữu quan là tiền đề rất quan trọng để Phòng tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ trong những năm tới.

- Sự đoàn kết, thống nhất ý chí hành động và đội ngũ cán bộ, viên chức của đơn vị là yếu tố cốt lõi để Phòng thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu mà cấp trên giao cho.

Khó khăn, tồn tại:

- Quy định trong Thông tư số 257/2016/TT-BTC về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên còn nhiều điểm bất cập, chưa bình đẳng về chế độ thu, chi giữa văn phòng công chứng và các Phòng Công chứng tự chủ 100% về chi thường xuyên. Tỷ lệ nộp ngân sách không bình đẳng như vậy sẽ hạn chế sức cạnh tranh của Phòng Công chứng, dẫn đến việc Phòng Công chứng nhà nước khó có nguồn lực tài chính cần thiết để phát triển cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ của công chứng viên và cán bộ, viên chức của Phòng, đảm nhiệm vai trò nòng cốt của các tổ chức hành nghề công chứng.

- Cơ sở vật chất của đơn vị tuy đã đã được quan tâm trang bị nhưng trụ sở còn chật hẹp, thiếu phòng làm việc, kho lưu trữ hiện đã chật cần mở rộng diện tích cho phù hợp với tình hình mới.

- Chủ trương xã hội hóa công chứng là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhưng cũng tạo nên sức ép lớn đối với đơn vị trong quá trình cạnh tranh về chất lượng dịch vụ với các tổ chức hành nghề công chứng tư nhân.

6. Kiến nghị:

- Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 257/TTLT về phí công chứng theo hướng tạo nên mặt bằng chung giữa các tổ chức hành nghề công chứng, để Phòng Công chứng nhà nước sau khi khấu trừ các khoản chi thì nộp ngân sách giống như các Văn phòng Công chứng.

- Đề nghị Sở Tư pháp đề xuất Tỉnh ủy – HĐND – UBND tỉnh – Bộ Tư pháp quan tâm tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để phát triển nghề công chứng trên địa bàn tỉnh, trên các phương diện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực công chứng viên, cơ chế tài chính với Phòng Công chứng nhà nước để bảo đảm vai trò định hướng cho hệ thống công chứng trên địa bàn theo tinh thần của Nghị quyết 172/NQ-CP của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng.

- Đề nghị Sở Tư pháp tiếp tục quan tâm đến cơ sở vật chất của đơn vị để

giúp đơn vị khắc phục khó khăn, nâng cao chất lượng dịch vụ và sắp xếp ổn định vị trí việc làm.

Trên đây là Báo cáo của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành. Rất mong được Lãnh đạo Sở Tư pháp quan tâm tạo điều kiện để Phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- PGĐ Sở phụ trách (b/c);
- Lưu: VT PCC.



Nguyễn Thị Thùy Linh



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2025

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	11	10	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	10	09	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	01	01	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	1.304,781	1.234,776	
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	Nguồn thu, chi thường xuyên				
1	Nguồn thu	Triệu đồng	2.400	3.069,268	
a	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí*				
c	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:				
	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công				
d	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định	Triệu đồng	2.400	3.069,268	
e	Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)				
h	Nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
2	Chi thường xuyên	Triệu đồng	2.045,851	2.258,580	
a	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí				
c	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
d	Chi thường xuyên ngân sách cấp trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Chi từ nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định	Triệu đồng	2.045,851	2.258,580	
e	Chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				



TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
g	Chi hoạt động khác (nếu có)				
h	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
3	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = 1 - 2)	Triệu đồng	354,149	810,688	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự điểm h mục 1, 2 nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	88,6	203	
	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng	149,849	407,688	
	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	115,07	200	
	Trích Quỹ khác (nếu có)				
4	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng	499,849	600	
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Dưới 01 lần lương				
	Từ 1 lần đến 2 lần lương				
	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương				
	Từ trên 3 lần lương				
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng	6,842	8,109	
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng	0,76	1,384	
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí)</i>				
1	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ không thường xuyên				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)</i>				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm b.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

Vũ Thị Huệ



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ THÙY LINH